

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2020

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện

2. Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị S, sinh năm 1973 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lày Mẩn C (Tên gọi khác: Lê Văn C, Lê Văn C), sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nông Thị S trình bày: Chị và anh Lày Mẩn C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng

từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị S đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến nay chị S nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Lày Mẩn C.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lày Mẩn C trình bày: Anh xác nhận việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm chung sống hạnh phúc, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị Nông Thị S. Nay chị S có yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Chị Nông Thị S và anh Lày Mẩn C đều khai nhận, quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 12/6/1992 và cháu Lày Văn T, sinh ngày 08/12/1993. Hiện nay hai cháu đều đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nông Thị S và anh Lày Mẩn C đều khai nhận, quá trình chung sống anh chị có tạo lập được tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 04/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện UBND xã Tân Quang nơi chị Nông Thị S và anh Lày Mẩn C sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nông Thị S và anh Lày Mẩn C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị S đi làm ăn xa. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có hai con

chung là cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 12/6/1992 và cháu Lày Văn T, sinh ngày 08/12/1993. Hiện nay các cháu đã đều trên 18 tuổi. Trong quá trình chung sống, anh chị tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị S và anh Lày Mẫn C. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Về thẩm quyền, nguyên đơn là chị Nông Thị S có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là anh Lày Mẫn C, anh Lày Mẫn C cư trú tại thôn M, xã T, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về yêu cầu xin ly hôn*: Việc chị Nông Thị S và anh Lày Mẫn C bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quang, huyện Bắc Quang nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị S cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] *Về việc nuôi con*: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 12/6/1992 và cháu Lày Văn T, sinh ngày 08/12/1993. Xét thấy các con chung của anh chị đều đã trên 18 tuổi và anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị S và anh Lày Văn C;

- **Về án phí**: Chị Nông Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001014, ngày 17/02/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- **Về quyền kháng cáo**: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng